

Số: 36/2026/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 642/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với dự án, cơ sở đã có thông báo thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định tại các Nghị quyết có liên quan đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long (cũ) ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện thu theo quy định tại các Nghị quyết đó.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.
5. Nghị quyết này bãi bỏ các nghị quyết:
 - a) Bãi bỏ toàn bộ:

Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Bãi bỏ một phần:

Khoản 4, khoản 5 Điều 1 và khoản 4, khoản 5 Điều 3 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Nội dung quy định liên quan đến phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường tại điểm a, c, d, đ khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Điểm a khoản 1 Điều 1 và Mục I Phần A Phụ lục Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí lệ phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

c) Quy định mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường tại Điều 2 Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động

cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đối với các Nghị quyết quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng

QUY ĐỊNH

**Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực môi trường gồm: Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan được giao thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường.

b) Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Người nộp phí, mức thu phí và tổ chức thu phí

1. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư thuộc nhóm dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Mức thu phí: 20.400.000 đồng/báo cáo.

2. Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường

a) Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Mức thu phí

Stt	Nội dung thu phí	Đơn vị tính	Mức thu phí
1	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	đồng/giấy phép	
1.1	Thẩm định bằng hình thức họp Hội đồng thẩm định	đồng/giấy phép	15.800.000
1.2	Thẩm định bằng hình thức thành lập Đoàn kiểm tra	đồng/giấy phép	10.000.000
1.3	Thẩm định đối với đối tượng là dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	đồng/giấy phép	7.400.000
2	Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	đồng/giấy phép	7.400.000

3. Mức thu phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến: mức thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Quy định này.

4. Thời điểm nộp phí: người nộp phí thực hiện nộp phí sau khi có thông báo thu phí thẩm định của tổ chức thu phí và trước khi cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường tổ chức thẩm định.

5. Tổ chức thu phí: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu phí và nộp toàn bộ số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc kê khai, nộp, quyết toán, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí. Chi phí cho hoạt động thẩm định do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.